

Bản án số: 51/2023/HSST

Ngày: 28 -6-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng Hạnh và ông Nguyễn Quốc Vượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Loan, bà Vũ Thị Thanh Huyền, bà Nguyễn Thị Thu Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2023/HSST ngày 27 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tuấn L, sinh ngày 11 tháng 3 năm 1959, tại tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Thôn X, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 08/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang N và bà Hoàng Thị M (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị L1 và có bốn con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án số 141/HSPT ngày 26/3/1986 Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và bản án số 87/HSST ngày 25/11/1997 của Tòa án nhân dân thị xã Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt Nguyễn Tuấn L 12 tháng tù về tội “Đánh bạc” (đều đã được xóa án tích). Bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Phan Thị D, sinh ngày 05 tháng 4 năm 1980, tại tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Tổ 11, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Thanh T và bà Nguyễn Thị S; có chồng là Nguyễn

Thế V và 02 con; con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt

3. Trần Văn B, sinh ngày 16 tháng 7 năm 1998, tại Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn X, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn B1 và bà Nguyễn Thị H1; vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

4. Trương Khánh H, sinh ngày 01 tháng 9 năm 1997 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn N, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Minh K và bà: Lê Thị Kim C, có vợ là Trần Thị Thanh H2 và 01 con sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Viết S1, sinh năm 1990. Trú tại: Thôn P, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Ngọc K1, sinh năm 1997. Trú tại: Thôn N, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Thành C1, sinh năm 1987. Trú tại: Thôn Đ, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1973. Trú tại: Thôn N, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

5. Anh Hà Văn P, sinh năm 1992. Trú tại: Thôn T, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

6. Chị Phạm Thị N1, sinh năm 1984. Trú tại: Tổ 14, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

7. Anh Phạm Ngọc T1, sinh năm 1982. Trú tại: Tổ 06, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

8. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1976. Trú tại: Tổ 05, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Mạnh T3, sinh năm 1978. Trú tại: Tổ 05, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

10. Chị Nguyễn Hồng N2, sinh năm 1994. Trú tại: Tổ 01, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

11. Anh Nguyễn Xuân T4, sinh năm 1980. Trú tại: Tổ 15, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

12. Anh Nguyễn Tiến T5, sinh năm 1988. Trú tại: Tổ 11, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

13. Chị Triệu Thị C2, sinh năm 1964. Trú tại: Tổ 06, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

14. Anh Đỗ Tiên P1, sinh năm 1987. Trú tại: Tổ 16, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

15. Bà Hoàng Thị Anh T6, sinh năm 1966. Trú tại: Tổ 01, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

16. Chị Nguyễn Thị N3, sinh năm 1974. Trú tại: Tổ 01, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

17. Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1971. Trú tại: Tổ 03, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

18. Chị Nguyễn Thu H3, sinh năm 1983. Trú tại: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

19. Bà Nguyễn Thị Thảo T7, sinh năm 1963. Trú tại: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

20. Anh Nguyễn Đức K1, sinh năm 1998. Trú tại: Thôn V, xã V, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

21. Chị Ngô Thị H4, sinh năm 1975. Trú tại: Thôn 09, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái; có mặt.

22. Chị Phạm Thị Thu H5, sinh năm 1981. Trú tại: Thôn 05, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

23. Anh Vũ Minh N4, sinh năm 1998. Trú tại: Thôn Ngòi Đông, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

24. Chị Lê Thị Hải Y, sinh năm 1971. Trú tại: Thôn Đồng Q, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

25. Bà Lê Thị H6, sinh năm 1969. Trú tại: Thôn 01, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái; có mặt.

26. Chị Trần Bích H7, sinh năm 1998. Trú tại: Thôn 05, C, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tuấn L mở cơ sở kinh doanh ngành nghề có đăng ký kinh doanh: Tư vấn hỗ trợ tài chính; mua bán ô tô, điện thoại, đã qua sử dụng; sản xuất miến dong; cho thuê nhà, bán hàng tạp hóa; bán vật liệu xây dựng; giải khát, cà phê.... tại Thôn X, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, L thuê Phan Thị D, Trần Văn B, Trương Khánh H giúp việc cho mình và trả lương theo tháng. Từ khoảng đầu năm 2019 đến cuối tháng 11 năm 2022, L đã cho nhiều người vay tiền với mức lãi suất cao, L giao cho Phan Thị D mở sổ sách theo dõi việc cho vay tiền gốc, tiền lãi, theo dõi tính toán tiền lãi, tiền gốc đến hạn trả tiền của từng khách vay, đôn đốc việc trả tiền của khách, nhắc Trần Văn B, Trương Khánh H những khoản vay của khách quá hạn... và báo lại cho L hàng ngày về việc vay lãi; L giao cho Trần Văn B cho khách vay tiền, làm hợp đồng vay tiền, đi thu tiền lãi hàng ngày của những người vay tiền; đến hạn thì gọi điện hoặc gặp trực tiếp giục đòi tiền lãi... Đến khoảng tháng 7 năm 2022, L giao cho Trương Khánh H cùng Trần Văn B đi thu tiền lãi hàng ngày của những người vay tiền. Sau khi thu được tiền lãi hàng ngày của khách vay thì B, H ghi vào sổ và chuyển lại tiền cho D để D quản lý. Trước khi cho vay tiền B, H phải kiểm tra hoàn cảnh khách vay (nhà cửa, điều kiện kinh tế, mối quan hệ...) và bắt buộc phải để lại giấy tờ tùy thân (Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Giấy phép lái xe, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...).

Trong quá trình hoạt động cho vay lãi L thống nhất với D, B, H chỉ cho khách vay với số tiền từ 20.000.000 đồng trở xuống và lãi suất dao động từ 3.000đồng/triệu/ngày đến 7.000 đồng/triệu/ngày (tùy từng khách, mối quan hệ). Nếu khách vay số tiền trên 20.000.000 đồng thì phải báo lại L. Có hai hình thức vay tiền: “*lãi đứng*” (tức là đóng tiền lãi theo tháng, 10 ngày hoặc 20 ngày) và “*bốc bát họ*” (tức là trả tiền hàng ngày).

Từ đầu năm 2019 đến cuối tháng 11 năm 2022, tại địa bàn thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Nguyễn Tuấn L, Phan Thị D, Trần Văn B và Trương Khánh H cho 26 (hai mươi sáu) người vay tiền, có người cho vay nhiều lần, với mức lãi suất cao từ 109 %/năm đến 255,5%/năm, tương ứng gấp từ 5,4 lần đến 12,8 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định trong Bộ luật Dân sự.

* Quá trình điều tra các bị cáo cùng người vay tiền khai nhận mỗi lần trả lãi thì trả trực tiếp hoặc chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của Trần Văn B. Do đó, đã xác định các bị cáo cho người khác vay tiền và thu lời bất chính cụ thể như sau:

Ví dụ: **A** là tiền lãi thu lợi bất chính, **B** là tiền lãi thu được của khoản vay. **C** là số ngày vay tiền, **D** là số tiền vay. $A = B - (20\% \div 365 \times C \times D)$

Trong đó 20% là phần trăm vay tối đa trên 1 năm của khoản vay theo quy định của pháp luật, 365 là số ngày của 1 năm.

Theo đó, số tiền thu lợi bất chính đối với từng người vay, được xác định như sau:

1. Nguyễn Viết S1 vay 02 (hai) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 20.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/năm (gấp 9,1 lần mức quy định), S1 đã trả được hết số tiền lãi và 10.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ số tiền gốc 10.000.000 đồng, cụ thể:

Lần thứ nhất: Từ ngày 25/8/2022, cho vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian 30 ngày, đã thu số tiền lãi là 1.500.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 1.335.616 đồng.

Lần thứ hai: Từ ngày 19/10/2022, cho vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày, đã thu số tiền lãi là 2.000.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 1.780.822 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 3.116.438 đồng.

2. Nguyễn Ngọc K1 vay 01 (một) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 10.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/năm (gấp 9.1 lần mức quy định). K1 đã trả tiền lãi: Trong thời gian 10 ngày từ ngày 24/11/2022, đã thu số tiền lãi là 500.000 đồng, còn nợ tiền gốc. Thu lợi bất chính số tiền là 445.205 đồng.

3. Nguyễn Thành C1, vay 01 (một) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 10.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/năm (gấp 9.1 lần mức quy định). C1 đã trả tiền lãi: Trong thời gian 90 ngày từ ngày 19/8/2022, đã thu số tiền lãi là 4.500.000 đồng, còn nợ tiền gốc. Thu lợi bất chính số tiền 4.006.849 đồng.

4. Nguyễn Văn L2, vay 02 (hai) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 10.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/năm (gấp 9.1 lần mức quy định). L2 đã trả hết tiền lãi, còn nợ gốc 5.000.000 đồng, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 24/7/2022, cho vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, đã thu số tiền lãi là 1.000.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 890.411 đồng.

- Lần thứ hai: Từ ngày 02/9/2022, cho vay thêm số tiền 5.000.000 đồng, nhưng thống nhất cộng gộp 5.000.000 đồng (lần thứ nhất) thành khoản vay mới 10.000.000 đồng, vay trong thời hạn 30 ngày, đã thu số tiền lãi là 1.500.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 1.335.616 đồng.

Đến ngày 24/9/2022, L2 trả được 5.000.000 đồng tiền vay gốc, còn nợ lại 5.000.000 đồng vẫn tính lãi suất như trên, vay trong thời gian 60 ngày, đã thu tiền lãi là 1.500.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 1.335.616 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 3.561.644 đồng

5. Hà Văn P, vay 01 (một) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 10.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/ năm (gấp 9.1 lần mức quy định). P đã trả hết tiền lãi, còn nợ lại gốc: Trong thời gian 150 ngày, từ tháng 7/2022, đã thu số tiền lãi là 8.500.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 7.678.082 đồng.

6. Phạm Thị N1, vay 02 (hai) lần với hình thức “bóc bát họ” với tổng số tiền vay: 20.000.000 đồng, mức lãi suất là 3.000 đồng/ngày/triệu đến 5.000 đồng/ngày/triệu = 109,5%/ năm đến 182,5%/ năm (gấp từ 5,5 lần đến 9.1 lần quy định) cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng tháng 9/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 20 ngày, đã thu số tiền lãi là 600.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 490.411 đồng. Số tiền gốc và lãi của khoản vay đã trả đủ.

- Lần thứ hai: Ngày 09/11/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, đã thu số tiền lãi là 2.000.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 1.780.822 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 26/11/2022 (18 ngày), số tiền lãi thực tế nhận là: 900.000 đồng. Thu lợi bất chính là: 801.370 đồng. Số tiền của khoản vay này đã trả 5.400.000 đồng, trong đó 4.500.000 đồng tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi, còn nợ lại 5.500.000 đồng tiền gốc và 1.100.000 đồng tiền lãi.

Tổng số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự là: 2.271.233 đồng. Số tiền thực tế thu lợi bất chính là: 1.291.781 đồng

7. Phạm Ngọc T1, vay 03 (ba) lần với hình thức “bóc bát họ” với tổng số tiền vay: 20.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/ năm (gấp 9.1 lần mức quy định). T1 đã trả hết tiền gốc và tiền lãi của các khoản vay cụ thể:

- Lần thứ nhất: Vào đầu năm 2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả trong 50 ngày, đã thu số tiền lãi là 2.500.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.226.027 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 18/9/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả trong 40 ngày, đã thu số tiền lãi là 1.000.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 890.411 đồng.

- Lần thứ ba: Ngày 28/10/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả trong 40 ngày, đã thu số tiền lãi là 1.000.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 890.411 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính: 4.006.849 đồng.

8. Nguyễn Thị T2, vay 02 (hai) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 10.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/ năm (gấp 9.1 lần mức quy định). T2 đã trả tiền lãi, còn nợ 7.000.000 đồng tiền gốc cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 12/8/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời gian vay 120 ngày, đã thu số tiền lãi là 3.000.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 2.671.233 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 17/8/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời gian vay 60 ngày, đã thu số tiền lãi là 1.500.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 1.335.616 đồng.

Đến đầu tháng 10/2022 trả 3.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 2.000.000 đồng, tiếp tục vay trong 60 ngày, đã thu số tiền lãi là: 600.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 534.247 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính: 4.541.096 đồng.

9. Nguyễn Mạnh T3, vay 01 (một) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 15.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/năm (gấp 9.1 lần mức quy định). T3 đã thanh toán tiền lãi, còn nợ tiền gốc: Đầu tháng 9/2022 vay số tiền 15.000.000 đồng, trả trong 80 ngày, đã thu số tiền lãi là 6.000.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 5.342.466 đồng.

10. Nguyễn Hồng N2, vay 01 (một) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 10.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/năm (gấp 9.1 lần mức quy định). N2 đã thanh toán tiền lãi, còn nợ tiền gốc: Ngày 12/10/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả trong 40 ngày, đã thu số tiền lãi là 2.000.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 1.780.822 đồng.

11. Nguyễn Xuân T4, vay 02 (hai) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 15.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/năm (gấp 9.1 lần mức quy định). T4 đã thanh toán tiền lãi, còn nợ tiền gốc, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Đầu tháng 6/2022 vay số tiền 10.000.000 đồng, trả trong 60 ngày, đã thu số tiền lãi là 3.000.000 đồng, Thu lợi bất chính số tiền 2.671.233 đồng.

- Lần thứ hai: Đầu tháng 8/2022 vay 5.000.000 đồng, trả trong 90 ngày, đã thu số tiền lãi là 6.750.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 6.010.274 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính: 8.681.507 đồng.

12. Nguyễn Tiến T5, vay 01 (một) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 12.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/năm (gấp 9.1 lần mức quy định). T5 đã thanh toán lãi, còn nợ tiền gốc: Tháng 9/2022 vay số tiền 12.000.000 đồng, trả trong 80 ngày, đã thu số tiền lãi là 4.800.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 4.273.973 đồng.

13. Triệu Thị C2, vay 01 (một) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 15.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/năm (gấp 9.1 lần mức quy định). C2 đã thanh toán lãi, còn nợ tiền gốc: Ngày

07/11/2022 vay số tiền 15.000.000 đồng, trả trong 20 ngày, đã thu tiền lãi là 1.500.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 1.335.616 đồng.

14. Đỗ Tiến P1, vay 01 (một) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 20.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/năm (gấp 9.1 lần mức quy định). P1 đã trả tiền gốc: Tháng 8/2022 vay số tiền 20.000.000 đồng, trả trong 90 ngày, đã thu tiền lãi là 9.000.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 8.013.699 đồng.

15. Hoàng Thị Anh T6, vay 01 (một) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 10.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000đồng/ngày/triệu = 182,5%/ năm (gấp 9.1 lần mức quy định). T6 chưa trả tiền gốc: Ngày 23/7/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả trong 120 ngày, đã thu tiền lãi là 6.000.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 5.342.466 đồng.

16. Nguyễn Thị N3, vay 01 (một) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 10.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/ năm (gấp 9.1 lần mức quy định). N3 đã thanh toán tiền lãi, chưa trả tiền gốc: Ngày 14/10/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả trong 40 ngày, đã thu tiền lãi là 2.000.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 1.780.822 đồng.

17. Trần Thị Đ, vay 01 (một) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 5.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/ năm (gấp 9.1 lần mức quy định). Đ đã thanh toán tiền lãi, chưa trả tiền gốc: Tháng 9 năm 2022, đã thu tiền lãi là 2.000.000 đồng của 80 ngày. Thu lợi bất chính số tiền 1.780.822 đồng.

18. Đối với Nguyễn Thu H3, vay 01 (một) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 20.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/ năm (gấp 9.1 lần mức quy định). H3 đã thanh toán tiền lãi, đã trả tiền gốc: Ngày 18/8/2022, trả trong 10 ngày, đã thu tiền lãi là 1.000.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 890.411 đồng.

19. Nguyễn Thị Thảo T7, vay 03 (ba) lần với hình thức “bóc bát họ” với tổng số tiền vay: 30.000.000đồng, mức lãi suất là 5.000đồng/ngày/triệu = 182,5%/ năm (gấp 9.1 lần mức quy định). T7 đã thanh toán tiền lãi, còn nợ lại 4.000.000 đồng tiền gốc, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 04/9/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay 40 ngày, đã thu tiền lãi là 2.000.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 1.780.822 đồng, đã trả hết gốc.

- Lần thứ hai: Ngày 03/10/2022 vay số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay 40 ngày, đã thu tiền lãi là 2.000.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 1.780.822 đồng, đã trả hết gốc.

- Lần thứ ba: Ngày 03/11/2022 vay số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay 40 ngày, tiền lãi là 2.000.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 1.780.822 đồng.

Tuy nhiên, T6 mới trả 24 ngày, số tiền lãi thực tế nhận là: 1.200.000 đồng. Thu lợi bất chính là: 1.068.493 đồng. Khoản vay này đã trả 7.200.000 đồng trong đó 6.000.000 đồng tiền gốc và 1.200.000 đồng tiền lãi, còn nợ lại 4.000.000 đồng tiền gốc và 800.000 đồng tiền lãi.

Tổng số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự là: 5.342.466 đồng. Số tiền thực tế thu lợi bất chính là: 4.630.137 đồng.

20. Nguyễn Đức K1, vay 02 (hai) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 10.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/năm (gấp 9.1 lần mức quy định). K1 đã trả lãi, còn nợ 5.000.000 đồng tiền gốc:

- Lần thứ nhất: Ngày 20/8/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, vay trong thời gian 80 ngày, đã thu tiền lãi là 2.000.000 đồng, Thu lợi bất chính số tiền 1.780.822 đồng, đã trả hết tiền gốc.

- Lần thứ hai: Ngày 16/11/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, vay trong thời gian 10 ngày, đã thu tiền lãi là 250.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 222.603 đồng, còn nợ tiền gốc 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 2.003.425 đồng.

21. Ngô Thị H4, vay 01 (một) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 10.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/năm (gấp 9.1 lần mức quy định). H4 đã thanh toán lãi, còn nợ lại 10.000.000 đồng tiền gốc: Ngày 21/8/2022, vay trong thời hạn 60 ngày, đã thu tiền lãi là 3.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.671.233 đồng.

22. Phạm Thị Thu H5, vay 01 (một) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 5.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/năm (gấp 9.1 lần mức quy định). H5 đã thanh toán lãi, còn nợ tiền gốc: Tháng 9/2022, vay trong thời hạn 80 ngày, đã thu tiền lãi là 2.800.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 2.580.822 đồng.

23. Vũ Minh N4, vay 01 (một) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 5.000.000 đồng, mức lãi suất là 3.000 đồng/ngày/triệu = 109%/năm (gấp 5,4 lần mức quy định). N4 đã thanh toán lãi, còn nợ tiền gốc: Ngày 06/7/2022, vay trong thời hạn 140 ngày, đã thu tiền lãi là 2.100.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 1.716.438 đồng.

24. Lê Thị Hải Y, vay 01 (một) lần, (hình thức bóc bát họ), với số tiền vay là 5.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/năm (gấp 9.1 lần mức quy định). Y còn nợ tiền gốc: Ngày 12/11/2022, vay trong thời

hạn 40 ngày, đã thu tiền lãi là 1.000.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 890.411 đồng.

25. Đối với Lê Thị H6 vay 01 (một) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 3.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/ năm (gấp 9.1 lần mức quy định). H6 đã thanh toán lãi, còn nợ tiền gốc: Đầu tháng 9/2022, vay trong thời hạn 80 ngày, đã thu tiền lãi là 1.200.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 1.068.493 đồng.

26. Trần Bích H7, vay 01 (một) lần, dưới hình thức vay lãi đứng, với số tiền vay là 20.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu = 182,5%/ năm (gấp 9.1 lần mức quy định). H7 là người đứng tên vay giúp cho Thanh, còn thực tế Thanh là người đã thanh toán lãi, còn nợ tiền gốc: Ngày 05/9/2022, cho vay trong thời hạn 40 ngày, đã thu tiền lãi là 4.000.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 3.561.644 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của các bị cáo L, D, B cho 26 người vay nhằm thu được là 99.600.000 đồng, trong đó: H cùng L, D, B cho vay nhằm thu được là 94.100.000 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế các bị cáo L, D, B đã thu của 26 người vay là 97.700.000 đồng, trong đó: H cùng L, D, B thu lợi bất chính thực tế là 92.000.000 đồng.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản vay (20%/ năm) các bị cáo đã thu là 10.706.849 đồng.

Như vậy, số tiền các bị cáo L, D, B thu lợi bất chính cao hơn mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 86.993.151 đồng, trong đó: H cùng L, D, B đã thu là 83.787.671 đồng.

Bản cáo trạng số 23/CT-VKS - P2 ngày 27/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, truy tố các bị cáo Nguyễn Tuấn L, Phan Thị D, Trần Văn B và Trương Khánh H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố Nguyễn Tuấn L, Phan Thị D, Trần Văn B và Trương Khánh H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Về hình phạt: *Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 35, 50 Bộ luật Hình sự phạt:*

Nguyễn Tuấn L từ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) đến 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 35, 50 Bộ luật hình sự phạt:

+ Phan Thị D từ 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) đến 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), nộp ngân sách Nhà nước.

+ Trần Văn B từ 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) đến 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), nộp ngân sách Nhà nước.

+ Trương Khánh H từ 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) đến 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), nộp ngân sách Nhà nước.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 01/2021/ NQ - HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đối với số tiền gốc 340.000.000 đồng các bị cáo cho 26 người vay, đây là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần truy thu để nộp vào Ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, trong tổng số tiền này có 206.500.000 đồng của người vay vẫn chưa trả được cho bị cáo L nên cần truy thu từ những người vay, số tiền còn lại 133.500.000 đồng cần truy thu của Nguyễn Tuấn L để nộp Ngân sách nhà nước.

+ Đối với khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất tối đa do pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, số tiền là 86.993.151 đồng, đây là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính nên trả lại cho 26 người vay.

+ Đối với khoản tiền lãi L được phép thu tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (mức lãi suất 20% năm), số tiền 10.706.849 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước khoản tiền này.

- Về vật chứng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Lê Thị H6, Hoàng Thị Anh T6, Ngô Thị H4, nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, không có tranh luận gì, xin được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Giấy vay tiền, sổ sách ghi chép về số tiền vay, số tiền đã thanh toán, thời gian, ngày, giờ thanh toán và chứng từ sao kê ngân hàng, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Bản kết luận điều tra, Bản cáo trạng nên có đủ cơ sở để kết luận:

Từ đầu năm 2019 đến cuối tháng 11 năm 2022, tại Thôn X, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, Nguyễn Tuấn L, Phan Thị D, Trần Văn B, Trương Khánh H đã cho 26 người vay tiền gồm: Nguyễn Viết S1, Nguyễn Ngọc K1, Nguyễn Thành C1, Nguyễn Văn L2, Hà Văn P, Phạm Thị N1, Phạm Ngọc T1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Mạnh T3, Nguyễn Hồng N2, Nguyễn Xuân T4, Nguyễn Tiến T5, Triệu Thị C2, Đỗ Tiến P1, Hoàng Thị Anh T6, Nguyễn Thị N3, Trần Thị Đ, Nguyễn Thu H3, Nguyễn Thị Thảo T7, Nguyễn Đức K1, Ngô Thị H4, Phạm Thị Thu H5, Vũ Minh N4, Lê Thị Hải Y, Lê Thị H6, Trần Bích H7, trong đó có người vay nhiều lần. Với tổng số tiền gốc cho vay là 340.000.000đồng (ba trăm bốn mươi triệu đồng chẵn) với mức lãi suất từ 3000đồng đến 7000đồng/1.000.000đồng/ngày, tương đương lãi suất 109 %/năm đến 255,5%/ năm. Các khoản cho vay lãi suất đều cao gấp 5,4 đến 12,8 lần mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự .

Tổng số tiền các bị cáo L, D, B cho 26 người vay nhằm thu lời bất chính là 99.600.000 đồng, trong đó: H cùng L, D, B cho vay nhằm thu được là 94.100.000 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế các bị cáo L, D, B đã thu của 26 người vay là 97.700.000 đồng, trong đó : H cùng L, D, B thu lợi bất chính thực tế là 92.000.000 đồng.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản vay (20%/ năm) các bị cáo đã thu là 10.706.849 đồng.

Như vậy, số tiền các bị cáo L, D, B thu lời bất chính cao hơn mức tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 86.993.151 đồng, trong đó: H cùng L, D, B đã thu là 83.787.671 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau. Bị cáo L giữ vai trò chính chủ động khởi xướng, tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo D, B, H giữ vai trò thực hành, giúp sức.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn mang tính chất bóc lột làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, túng quẫn, ngoài ra còn làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, sức khỏe của những người vay tiền và gia đình của họ. Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng để nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân, nhận thức được việc cho vay lãi với mức lãi suất cao gấp 5 lần mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là trái pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do mục đích thu lợi bất chính, vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần phải đưa ra xử lý nghiêm trước pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo nên cho hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Dung, Hòa, Bắc phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Tuấn L có 02 tiền án đều đã được xóa án tích, quá trình sinh sống và chấp hành án bị cáo không có vi phạm gì, theo quy định tại mục 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì có thể coi là có nhân thân tốt. Bị cáo Phan Thị D, Trần Văn B, Trương Khánh H không có tiền án, tiền sự. Xét thấy, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, có thu nhập ổn định nên áp dụng hình phạt tiền với mức tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội.

[4] Về biện pháp tư pháp:

+ Đối với số tiền gốc 340.000.000đồng, Nguyễn Tuấn L cho 26 người vay, đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên bị tịch thu nộp Ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, trong tổng số tiền này có 206.500.000đồng do người vay vẫn chưa trả được cho L nên cần tịch thu số tiền này từ những người chiếm giữ (người vay). Số tiền còn lại người vay đã trả cho L là 133.500.000đồng, cần tịch thu từ Nguyễn Tuấn L nộp Ngân sách nhà nước;

+ Đối với khoản tiền lãi L được phép thu tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (mức lãi suất 20% năm), tương ứng số tiền 10.706.849đồng, là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên bị tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

+ Đối với số tiền 86.993.151 đồng, đây là khoản tiền do bị cáo L thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có nên cần trả lại cho 26 người vay.

[5] Đối với khoản tiền 20.000.000đồng Trần Thị Bích H8 đứng tên vay hộ Nguyễn Thị Thảo T7, T6 nhận trả gốc, lãi cho Nguyễn Tuấn L cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước, Trần Thị Bích H8 có quyền khởi kiện Nguyễn Thị Thảo T7 để đòi lại tài sản (tiền) bằng một vụ kiện dân sự độc lập khác, khi có yêu cầu.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 4.800.000đồng thu giữ của Nguyễn Tuấn L, đây là khoản tiền thu được do việc phạm tội mà có nên bị tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 đầu ghi hình nhãn hiệu HIK VISON, Model: DS -7216HQHI - K1 và 01 bộ máy tính để bàn gồm: 01 màn hình màu trắng; 01CPU; 01 chuột có dây và 01 bàn phím máy tính đều đã qua sử dụng, thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Tuấn L không liên quan đến hành vi phạm tội, nên được trả lại cho bị cáo;

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51, màu xanh, có số Imel 1: 352353111005846 của Phan Thị D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr, số máy MT3R2LL/A, có số imel: 353064106568776 của Trương Khánh H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, số máy MWLJ2LL/A, có số Imel 356546106459813 của Trần Văn B, không liên quan đến hành vi phạm tội nên được trả lại cho các bị cáo;

- Đối với 12 đĩa DVD trong có chứa nội D ghi âm các buổi hỏi cung đối với Nguyễn Tuấn L, Phan Thị D, Trần Văn B và Trương Khánh H; 04 quyển sổ bìa màu đen, bên trong các quyển sổ có nhiều chữ và số; “01 Giấy vay tiền” mang tên người vay là Vũ Minh N4, đây là những vật chứng mang dấu vết tội phạm nên được lưu theo hồ sơ vụ án;

- Các giấy tờ gồm căn cước công dân, chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, đăng ký xe và sổ hộ khẩu mang tên nhiều người, đây là các giấy tờ tùy thân

và giấy tờ đăng ký quyền sở hữu đối với tài sản... không liên quan đến hành vi phạm tội nên được trả lại cho chủ sở hữu của các giấy tờ trên.

- Các vật chứng khác như: 01 quyển sổ không có bìa, dòng kẻ ngang, nhiều trang giấy, bên trong có nhiều chữ và số; 01 quyển vở ô ly, bìa màu tím có chữ “Hồng Hà”, bên trong có nhiều chữ và số; 01 vỏ hộp hình chữ nhật, 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong, không có giá trị sử dụng nên bị tịch thu tiêu hủy.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Các bị Phan Thị D, Trần Văn B và Trương Khánh H phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo Nguyễn Tuấn L là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố Nguyễn Tuấn L, Phan Thị D, Trần Văn B và Trương Khánh H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

2.1. *Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 35, 50 Bộ luật Hình sự phạt:*

Nguyễn Tuấn L: 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

2.2. *Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 35, 50 Bộ luật Hình sự phạt:*

Phan Thị D : 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Trần Văn B : 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Trương Khánh H : 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

- Tịch thu của Nguyễn Tuấn L số tiền gốc cho vay là 133.500.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng) nộp Ngân sách nhà nước;

- Tịch thu số tiền của 23 người vay (tiền gốc chưa trả Nguyễn Tuấn L).
 Tổng số là 206.500.000đồng (Hai trăm linh sáu triệu năm trăm nghìn đồng),
 nộp ngân sách nhà nước, cụ thể tịch thu của từng người như sau:

STT	Họ và tên	Tiền (đồng)
1.	Nguyễn Viết S1	10.000.000
2.	Nguyễn Ngọc K1	10.000.000
3.	Nguyễn Thành C1	10.000.000
4.	Nguyễn Văn L2	5.000.000
5.	Hà Văn P	10.000.000
6.	Phạm Thị N1	5.500.000
7.	Nguyễn Thị T2	7.000.000
8.	Nguyễn Mạnh T3	15.000.000
9.	Nguyễn Hồng N2	10.000.000
10.	Nguyễn Xuân T4	15.000.000
11.	Nguyễn Tiến T5	12.000.000
12.	Triệu Thị C2	15.000.000
13.	Hoàng Thị Anh T6	10.000.000
14.	Nguyễn Thị N3	10.000.000
15.	Trần Thị Đ	5.000.000
16.	Nguyễn Thị Thảo T7	4.000.000
17.	Nguyễn Đức K1	5.000.000
18.	Ngô Thị H4	10.000.000
19.	Phạm Thị Thu H5	5.000.000
20.	Vũ Minh N4	5.000.000
21.	Lê Thị Hải Y	5.000.000
22.	Lê Thị H6	3.000.000
23.	Trần Bích H7	20.000.000
Tổng số :		206. 500.000 đồng (Hai trăm linh sáu triệu năm trăm nghìn đồng)

- Tịch thu từ Nguyễn Tuấn L số tiền lãi (không vượt quá mức lãi suất giới hạn được quy định tại Bộ luật dân sự), số tiền là **10.706.849 đồng**, (Mười triệu bảy trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng) để nộp ngân sách nhà nước;

- Buộc Nguyễn Tuấn L trả lại cho 26 người vay tiền thu lợi bất chính do bị cáo phạm tội mà có là **86.993.151 đồng** (Tám mươi sáu triệu chín trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng), cụ thể như sau:

Nguyễn Viết S1: 3.116.438 đồng; Nguyễn Ngọc K1: 445.205 đồng; Nguyễn Thành C1: 4.006.849 đồng; Nguyễn Văn L2: 3.561.644 đồng; Hà Văn P: 7.678.082 đồng; Phạm Thị N1: 1.291.781 đồng; Phạm Ngọc T1: 4.006.849 đồng; Nguyễn Thị T2: 4.541.096 đồng; Nguyễn Mạnh T3: 5.342.466 đồng; Nguyễn Hồng N2: 1.780.822 đồng; Nguyễn Xuân T4: 8.681.507 đồng; Nguyễn Tiến T5: 4.273.973 đồng; Triệu Thị C2: 1.335.616 đồng; Đỗ Tiến P1: 8.013.699 đồng; Hoàng Thị Anh T6: 5.342.466 đồng; Nguyễn Thị N3: 1.780.822 đồng; Trần Thị Đ: 1.780.822 đồng; Nguyễn Thu H3: 890.411 đồng; Nguyễn Thị Thảo T7: 4.630.137 đồng; Nguyễn Đức K1: 2.003.425 đồng; Ngô Thị H4: 2.671.233 đồng; Phạm Thị Thu H5: 2.580.822 đồng; Vũ Minh N4: 1.716.438 đồng; Lê Thị Hải Y: 890.411 đồng; Lê Thị H6: 1.068.493 đồng; Trần Bích H7: 3.561.644 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 4.800.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng) của Nguyễn Tuấn L;

- Trả cho Nguyễn Tuấn L:

+ 01 đầu ghi hình nhãn hiệu HIK VISON, Model: DS - 7216HQHI - K1

+ 01 bộ máy tính để bàn gồm: 01 màn hình màu trắng;

+ 01 CPU vỏ màu đen;

+ 01 chuột có dây và 01 bàn phím máy tính;

- Trả cho Phan Thị D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51, màu xanh, có số Imel 1: 3523.53111.005846;

- Trả cho Trương Khánh H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr, số máy MT3R2LL/A, có số imel: 353064106568776;

- Trả cho Trần Văn B: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, số máy MWLJ2LL/A, có số Imel 35654.61064.59813;

- Lưu theo hồ sơ vụ án 12 đĩa DVD, trong có chứa nội D ghi âm các buổi hỏi cung đối với Nguyễn Tuấn L, Phan Thị D, Trần Văn B và Trương Khánh H; 04 quyển sổ bìa màu đen, bên trong các quyển sổ có nhiều chữ và số; và “01 Giấy vay tiền” mang tên người vay là Vũ Minh N4.

- Trả lại căn cước công dân (viết tắt CCCD) cho: Nguyễn Đức K1, Nguyễn Thị Thảo T7, Nguyễn Thị N3, Nguyễn Tiến T5, Vũ Minh N4, Triệu Thị C2, Phạm Ngọc T1, Hoàng Thị Anh T6, Nguyễn Mạnh T3, Lê Thị Hải Y.

- Trả cho Nguyễn Mạnh T3: 01 Giấy phép lái xe số 150039002143;

- Trả cho Nguyễn P Thảo: 01 đăng ký mô tô, xe máy số 025105;

- Trả cho Hà Văn P: 01 chứng minh nhân dân số 0609.89049 và 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Hà Văn P;

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 vỏ hộp hình chữ nhật đã mở niêm phong;

+ 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong;

+ 01 quyển sổ không có bìa, dòng kẻ ngang, nhiều trang giấy, bên trong có nhiều chữ và số;

+ 01 quyển vở ô ly, bìa màu tím có chữ “Hồng Hà”, bên trong có nhiều chữ và số.

Các vật chứng nêu trên có đặc điểm như mô tả tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/4/2023 giữa Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái và Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Yên Bái.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Phan Thị D, Trần Văn B và Trương Khánh H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của thường vụ Quốc hội miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Tuấn L.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKS tỉnh Yên Bái;
- VKSNDTPYB;
- CA tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo TN (04);
- Người có ql, nvlq (26);
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- THADS thành phố YB;
- Hồ sơ NVCATP YB;
- THA phạt tù (2);
- Lưu HS, TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền

